**Tiết PPCT: 07**

**Ngày soạn: 27/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**BÀI 4: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU NHỮNG CƠ HỘI THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

Sau bài học, HS cần:

**1: Kiến thức:**

**-** Trình bày được những cơ hội, thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

**2. Kĩ năng:**

**-** Thu thập thông tin, xử lí số liệu để chứng minh những cơ hội, thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

**3. Thái độ:**

**-** Thấy được vai trò của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

**-** Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp

+ Năng lực hợp tác

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực tổng hợp tư duy lãnh thổ

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

**1. Phương pháp:**

Trong bài học sử dụng các phương pháp dạy học tích cực là:

* Đàm thọai gợi mở
* Thảo luận nhóm
* Thuyết trình

**2. Phương tiện**:

* SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Tại sao nói: Trong bảo vệ môi trường cần phải “tư duy toàn cầu, hành động địa phương”

**3.Hoạt động khởi động:**

 Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam có những cơ hội và thách thức gì? Để hiểu rõ hơn về những cơ hội và thách thức đó chúng ta cùng tìm hiểu trong bài thực hành *“Tìm hiểu những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển”*

**4. Bài mới:**

* **Hoạt động 1: Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài thực hành**
* Hình thức: Hoạt động cả lớp.
* Phương pháp: đặt vấn đề
* Thời gian: 3 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| ***Bước 1:*** GV nêu lên mục đích yêu cầu của tiết thực hành.***Bước 2:*** Hướng dẫn nội dung trình bày của các nhóm. | **I. Yêu cầu:**- Xác định những cơ hội, thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển.**II. Tiến hành:**- Đọc sách giáo khoa- Nêu chủ đề từng ý- Thảo luận nhóm => cơ hội, thách thức |

* **Hoạt động 2: Thực hành tìm hiểu những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển**

## 1. Mục tiêu:

- Xác định, phân tích và đánh giá được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển.

- Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá

- Phát triển năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ đối thoại.

## 2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học

- Phương pháp: Nhóm,

## 3. Phương tiện

- SGK, tư liệu đã được yêu cầu chuẩn bị trước về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:** - GV yêu cầu HS đọc nội dung SGK và nêu tên chủ đề cho các ý trên. - HS trả lời- Gv chuẩn kiến thức- Gv chia cả lớp thành 2 nhóm+ Nhóm 1: Tìm hiểu về những cơ hội mà các nước đang phát triển có được từ toàn cầu hóa theo chủ đề đã nêu và cho ví dụ.+ Nhóm 2: Tìm hiểu về những thách thức mà các nước đang phát triển có được từ toàn cầu hóa theo chủ đề đã nêu, ví dụ.Các nhóm hoạt động theo cặp, tìm hiểu trong vòng 10 phút**Bước 3:** Hs các nhóm thảo luận **Bước 4:** GV giúp HS chuẩn kiến thức. | 1. **Chủ đề**
* Tự do hóa thương mại
* Khoa học và công nghệ
* Văn hóa
* Chuyển giao công nghệ vì lợi nhuận
* Toàn cầu hóa về công nghệ
* Thành tựu nhân loại
* Đa phương hóa, quốc tế hóa.
1. Cơ hội, thách thức đối với các nước đang phát triển

(phụ lục 1) |

**IV. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP:**

**1. Hoạt động củng cố (2 phút**)

Viết báo cáo về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa (10 dòng)

**2. Giao bài tập**

**Phụ lục 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Cơ hội | Thách thức |
| Tự do thương mại | - Mở rộng thị trường | - Cạnh tranh khốc liệt |
| CM Khoa học, công nghệ | - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế- Hình thành nền KT tri thức- Phát triển các ngành CN hiện đại, mũi nhọn | - Đòi hỏi vốn, lao động tay nghề cao.- Nguy cơ tụt hậu |
| Văn hóa | - Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại | - mai một, mất bản sắc văn hóa |
| Chuyển giao CN vì lợi nhuận | - Trao đổi công nghệ 1 cách dễ dàng | - áp lực lên TNMT- bãi rác chứa công nghệ lỗi thời, lạc hậu  |
| Toàn cầu hóa công nghệ | - Đón đầu CN=> thúc đẩy KT phát triển   | - Nợ nước ngoài, tụt hậu |
| Thành tựu nhân loại | - nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm- Đẩy nhanh quá trình hội nhập | - Khó khăn trong quản lí thương hiệu- Cạnh tranh khốc liệt |
| Đa phương hóa, hợp tác quốc tế | - Hợp tác, trao đổi, sử dụng CN, tài nguyên của các nước | - Sức ép đến tài nguyên- Phụ thuộc vào các nước phát triển- Chảy máu chất xám |

Phụ lục tư liệu

1/ <http://www.baophuyen.com.vn/76/42194/tac-dong-cua-toan-cau-hoa-khu-vuc-hoa-doi-voi-cac-nuoc-dang-phat-trien.html>

2/ <https://cacnuoc.vn/tin/loi-ich-va-tac-dong-tieu-cuc-cua-xu-huong-toan-cau-hoa/>

3/ <https://cacnuoc.vn/tin/nhung-bieu-hien-cua-xu-huong-toan-cau-hoa/>

**Tiết PPCT: 08**

**Ngày soạn: 27/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**Tự chọn 4: KỸ NĂNG VẼ BIỂU ĐỒ CỘT (tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần:

**1. Kiến thức:**

**-** Biết nhận dạng biểu đồ

- Nắm được kĩ năng vẽ biểu đồ hình cột.

**2. Kĩ năng:**

- Thực hiện các bước vẽ biểu đồ và hoàn thiện biểu đồ hình cột.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị sẵn một số bảng số liệu yêu cầu vẽ biểu đồ hình cột

- Vở thực hành lớp 11.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Vào bài mới:***

* **Hoạt động 1.** Tìm hiểu các bước vẽ biểu đồ

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cơ bản** |
| ***Bước 1:*** GV hỏi:- Có những dạng biểu đồ hình cột nào?- Để vẽ biểu đồ cần thực hiện mấy bước? đó là những bước nào?***Bước 2:*** HS trả lời, các HS khác bổ sung, GV chuẩn kiến thức. | **I. Dấu hiệu nhận biết** – Thể hiện qui mô, độ lớn, số lượng: hơn – kém, nhiều – ít, so sánh các yếu tố, tình hình phát triển. – Có các cụm từ như: số lượng, sản lượng, so sánh – Có số lượng năm cho trước hơn 4 năm – Thể hiện ở dấu gạch chéo: người/ km2, USD/người,… – Trong một năm mà yêu cầu thể hiện nhiều thành phần: loại sản phẩm, vùng miền, số lượng,….**II. Các dạng biểu đồ hình cột**- Biểu đồ cột đơn- Biểu đồ cột đơn gộp nhóm.- Biểu đồ cột chồng.**II.Cách vẽ**- **Bước 1:** Xác định tỉ lệ, phạm vi khuôn giấy ( giá trị lớn nhất, nhỏ nhất)- **Bước 2:** Vẽ trục tọa độ: 1 trục tung, 1 trục hoành+ Trục tung: thể hiện giá trị+ Trục hoành thể hiện năm, đối tượng.- **Bước 3:** Chia tỉ lệ+ Trục tung: chia tỉ lệ theo khoảng cách đều nhau+ Trục hoành: Năm đầu cách gốc tọa độ Chú ý khoảng cách năm. (trừ các địa điểm, đối tượng đều nhau)- **Bước 4:** Vẽ (dóng số liệu theo từng năm, từng địa điểm, vẽ lần lượt từ trái sang phải) - **Bước 5**: Hoàn thiện biểu đồ ( Tên, số liệu, mũi tên, đơn vị) + Ghi tên biểu đồ.Lưu ý: độ rộng cột bằng nhau, đối với biểu đồ cột ghép, chồng phải ký hiệu và lập bảng chú giải |

* **Hoạt động 1.** Luyện tập

**GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 1990-2015**

Đơn vị: Tỉ USD

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng mức | 1990 | 1995 | 2000 | 2004 | 2015 |
| Xuất khẩu | 287,6 | 443,1 | 479,2 | 565,7 | 624,8 |
| Nhập khẩu | 235,4 | 355,9 | 379,5 | 454,5 | 648,3 |
| Tổng | 532 | 799 | 858,7 | 1020,2 | 1273,1 |

 Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

Biểu đồ thể hiện tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản năm 1990-2015

**IV. TỔNG KẾT**

1. **Củng cố**

Hoàn thành bài vẽ vào vở

2. Hoạt động nối tiếp

Sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2000 – 2014 ( triệu tấn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 2000 | 2005 | 2009 | 2014 |
| Lúa đông xuân | 14,7 | 17,3 | 18,7 | 20,9 |
| Lúa hè thu | 9,9 | 10,4 | 11,2 | 14,5 |
| Lúa mùa | 7,7 | 8,1 | 9,0 | 9,6 |
| Tổng | 32,3 | 35,8 | 38,9 | 44,0 |

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng lúa mùa nước ta giai đoạn 2000-2004.

b. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng lúa các loại ở nước ta giai đoạn

 2000-2004.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**